



PHỤ LỤC:

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 THÔNG QUA

(Đính kèm Tờ trình số 02/TTr-HĐQT, ngày 23 tháng 2 năm 2026)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế sửa đổi” là nội dung **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
--------------------------------	------------------------------	-------------------------

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p align="center">QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD</p> <p align="center"><i>(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018)</i></p>	<p align="center">QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD</p> <p align="center"><i>(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm ...)</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...</i></p> <p><i>Quy chế quản trị nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần</i></p>	<p align="center">Bổ sung căn cứ văn bản pháp luật hiện hành</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<i>Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad bao gồm các nội dung sau:</i>	
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:</p> <p>a. Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>b. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>c. Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>d. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</p> <p>e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad;</p> <p>2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị của Công ty Cổ Phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty</p> <p>3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho công ty, cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này, tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty.</p>	<p>Bổ sung nội dung theo Điều 1 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; • Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; • Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan; • Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; • Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty; 	<p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; • Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; • Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan; • Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; • Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty; • Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty; • Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; • Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. 	<p>Làm rõ và mở rộng khái niệm về “Quản trị công ty” theo quy định tại Điều 40 Luật Chứng khoán</p>
<p>Không có</p>	<p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Luật số 76/2025/QH15</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>d. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>e. "Đại biểu" là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p>	
<p>b. "Công ty đại chúng" là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;</p>	<p>g. "Công ty đại chúng" là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;</p>	<p>Cập nhật số thứ tự và văn bản pháp luật hiện hành</p>
<p>c. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;</p>	<p>h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.;</p>	<p>Cập nhật số thứ tự và văn bản pháp luật hiện hành</p>
<p>Không có</p>	<p>i. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Điểm giải/Ghi chú
d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	Sửa đổi, bổ sung khái niệm Người điều hành doanh nghiệp, cập nhật số thứ tự
e. "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	k. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	Bổ sung từ viết tắt, cập nhật số thứ tự
f. "Thành viên HĐQT độc lập" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;	l. "Thành viên HĐQT độc lập" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật số thứ tự và văn bản pháp luật hiện hành
Không có	m. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Bổ sung khái niệm theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
g. "Người phụ trách quản trị công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;	n. "Người phụ trách quản trị công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;	Cập nhật số thứ tự và văn bản pháp luật hiện hành
Không có	o. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Bổ sung khái niệm theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán
h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;	p. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;	Cập nhật số thứ tự và văn bản pháp luật hiện hành
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ	CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 272

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Không có	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ công ty. 3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện	Bổ sung nội dung về Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
Không có	Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: 1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử 5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.	Bổ sung theo hướng dẫn tại theo khoản 1 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
Không có	Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: 1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử 5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 144 luật Doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	<p>Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung nội dung Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp</p>
<p>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết/đăng ký giao dịch.</p>	<p>Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết/đăng ký giao dịch.</p> <p>Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự Điều, Bổ sung theo khoản 1 Điều 273 Dự thảo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>
Không có	<p>Điều 6. Triệu tập ĐHĐCĐ</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty. 	<p>Bổ sung theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 139, Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	<p>Điều 7. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</p>	<p>Phù hợp với điểm a khoản 5 Điều 140, khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 2 Điều 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười lăm ngày (15) ngày</u> trước ngày khai mạc Đại hội (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. <u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; • Phiếu biểu quyết; • Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; 	<p>Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; • Phiếu biểu quyết; • Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; 	<p>Cập nhật số thứ tự, sửa đổi và bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp thống nhất với quy định tại Điều lệ Công ty</p>
<p>2. Công ty sẽ đăng tải các tài liệu liên quan trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ ghi rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty, cách thức tải tài liệu để cổ đông truy cập khai thác, sử dụng. Công ty chỉ gửi trực tiếp tài liệu nếu cổ đông có yêu cầu; Tài liệu bản giấy đầy đủ sẽ được cung cấp cho cổ đông tại bàn Đăng ký cổ đông tại Đại hội.</p>	<p>2. Công ty sẽ đăng tải các tài liệu liên quan trên trang thông tin điện tử của Công ty và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp sẽ ghi rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty, cách thức tải tài liệu để cổ đông truy cập khai thác, sử dụng. Công ty chỉ gửi trực tiếp tài liệu nếu cổ đông có yêu cầu; Tài liệu bản giấy đầy đủ sẽ được cung cấp cho cổ đông tại bàn Đăng ký cổ đông tại Đại hội.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều</p>	<p>Bổ sung theo quy định Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	23 Điều lệ Công ty.	
Không có	<p>Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung quy định về việc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ
<p>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</p> <p><u>Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</u></p>	<p>Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.</p> <p>3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	Cập nhật số thứ tự. Bổ sung các hình thức đăng ký tham dự họp theo Điều lệ Công ty, quy định khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	<p>Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Điều 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>Điều 6. Cách thức bỏ phiếu</p>	<p>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu</p>	Cập nhật số thứ tự
Không có	<p>Điều 14. Thẻ thức tiến hành họp và cách thức biểu quyết, bỏ</p>	Bổ sung theo quy định

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>1. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p> <p>2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</p> <p>4. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết thu về so với số phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết thu về. Số phiếu “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo các phương thức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại</p>	<p>điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 1 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và thực tế triển khai của Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>hội đồng cổ đông. Các phiếu bầu cử này cũng sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>6. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	
Không có	<p>Điều 15. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	Điều 16. Cách thức kiểm phiếu	Cập nhật số thứ tự
<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <u>cổ đông dự họp tán thành</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; • Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; • Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; • Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; • Tổ chức lại, giải thể Công ty; • Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát. 	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành hoặc từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Công ty; f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 	Bổ sung, cập nhật theo Khoản 5 Điều 7 Luật doanh nghiệp số 03/2022 và quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại	Bổ sung, cập nhật theo

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Điển giải/Ghi chú
đại diện cho ít nhất năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điểm 1 và Điểm 3, Khoản này.	điện cho ít nhất năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm c, điểm d, điểm e Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Khoản 5 Điều 7 Luật doanh nghiệp số 03/2022 quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty
Không có	4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp, khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty
Không có	5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty
<p>Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo 	<p>Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến 	Cập nhật số thứ tự, bổ sung, sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p>	<p>đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	
<p><u>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</u></p>	<p>Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	<p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	<p>Sửa đổi cách dùng từ</p>
<p><u>Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</u></p>	<p>Điều 19. Lập Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, sửa đổi bổ sung quy định về việc lập Nghị quyết ĐHĐCĐ</p>
<p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Sửa đổi, cập nhật theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 150 Luật Doanh nghiệp và khoản 1,2,3 Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của <u>cổ đông dự họp</u> ;	g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của <u>cổ đông tham dự và biểu quyết</u> ;	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật doanh nghiệp số 03/2022 và Điều lệ Công ty
i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Sửa đổi theo quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty
4. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <u>và phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.</u> Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản	4. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và công thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	Sửa đổi, bổ sung quy định về công bố thông tin và lược bỏ nội dung không phù hợp theo Điều lệ Công ty
Không có	5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Bổ sung theo quy định Khoản 4, Khoản 6 điều 150 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 28 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ <u>Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.</u></p>	<p>Điều 20. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu liên quan phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, bổ sung nội dung về công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5,6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp và khoản 4,5,6 Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	<p>Điều 21. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</p>	<p>Sửa đổi theo quy định khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty</p>
<p>Không có</p>	<p>2. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp</p>	<p>Bổ sung quy định về việc công bố thông tin việc lập danh sách cổ đông theo quy định khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	
<p>2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 25 của <u>Điều lệ này</u>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>Khoản 3 của Điều này</u>;</p>	<p>3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23 của Điều lệ Công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty và tại Khoản 4 của Điều này;</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p>	<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Cập nhật theo giấy tờ pháp lý mới</p>
<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p>	<p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>Không có</p>	<p>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Khoản 8 Điều 149 và Khoản 4 điều 148 Luật Doanh nghiệp, khoản 9 Điều 27 Điều lệ Công ty</p>



Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	<p>7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	<p>Bổ sung theo quy định Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 22 Phụ lục I của TT 116/2020, khoản 5 Điều 27 Điều lệ Công ty</p>
Không có	<p>8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</p>	<p>Bổ sung theo quy định Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Khoản 6 Điều 22 Phụ lục I của TT 116/2020, khoản 6 Điều 27 Điều lệ Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	9. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Bổ sung theo quy định CBTT bắt buộc điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC, khoản 7 Điều 27 Điều lệ Công ty
Không có	10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;	Bổ sung quy định về lưu trữ tài liệu liên quan, khoản 8 Điều 27 Điều lệ Công ty
Không có	<p>Điều 22. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	Bổ sung theo quy định khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 29 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	Bổ sung nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với Điều lệ Công ty
Không có	<p>Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</p> <p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.</p> <p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.</p> <p>b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này. Thông báo mời họp phải có tên đăng nhập, mật khẩu truy cập tương ứng và thông tin đăng nhập cần thiết để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu</p>	Bổ sung theo quy định Điều 132, Khoản 5 Điều 146, Điều 145 Luật Doanh nghiệp, khoản 6 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>quyết, bầu cử, Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng và thông tin đăng nhập cần thiết để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p> <p>b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.</p>	

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p> <p>c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</p> <p>7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 15 Quy chế này.</p> <p>b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty</p> <p>8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p> <p>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Công ty.</p> <p>9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.</p> <p>10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 20 Quy chế này.</p> <p>11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại</p>	

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>Điều 22 Quy chế này.</p> <p>12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>	
Không có	<p>Mục 4. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Bổ sung quy định các tài liệu trình tại ĐHĐCĐ theo quy định khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>
Không có	<p>Điều 25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có). 	<p>Bổ sung theo quy định Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.</p> <p>7. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	
Không có	<p>Điều 26. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát. 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty. 4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác. 6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông. 	Bổ sung theo quy định Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
CHƯƠNG III: <u>THÀNH VIÊN HĐQT</u>	CHƯƠNG III: <u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	Sửa đổi tên Chương cho

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
		phù hợp với nội dung quy định
Không có	Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung quy định về vai trò, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị
Không có	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo quy định khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản 1 Điều 33 Điều lệ Công ty
Không có	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty. b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty. c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty. d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và	Bổ sung theo quy định khoản 2 Điều 153, điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và bổ sung theo khoản 2 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 2 Điều 277, Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 33 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>người quản lý khác của công ty.</p> <p>g. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.</p> <p>h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>i. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và giữa công ty với Kiểm soát viên, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.</p> <p>j. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>k. Chấp thuận hợp đồng mua, bán vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm o khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	
Không có	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các</p>	<p>Bổ sung theo quy định Khoản 1 Điều 167 của Luật doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 41 Luật</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</p> <p>c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>e. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;</p> <p>f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Chứng khoán, Điều 277, Khoản 1 Điều 299 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>
Không có	<p>4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p>	<p>Bổ sung theo quy định Điều 156 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	3 Điều 35 Điều lệ Công ty
Không có	<p>5. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.</p> <p>b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.</p> <p>c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.</p> <p>d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung theo quy định khoản 5 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Không có	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây	Bổ sung nội dung

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>b. Là: (1) Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc (2) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông pháp nhân sở hữu năm (05%) tổng số cổ phần <u>hoặc</u> (3) <u>Người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</u></p>	<p>b. Là: (1) Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc (2) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông pháp nhân sở hữu năm (05%) tổng số cổ phần;</p>	<p>Sửa đổi theo quy định điểm b khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, điểm b khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty</p>
<p>Không có</p>	<p>c. Người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và phải là cổ đông của Công ty;</p>	<p>Bổ sung theo quy định điểm b khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, điểm c khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty</p>
<p>c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT công ty khác nhưng không cùng ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện; Thành viên HĐQT <u>không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác kể từ 1/8/2019.</u></p>	<p>d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác nhưng không cùng ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện; Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, sửa đổi theo khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, điểm d khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty</p>
<p>d. Bản thân thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của bản thân (Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) không tham gia góp vốn, góp cổ phần chi phối vào các công ty, doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề chính của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện.</p>	<p>e. Bản thân thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của bản thân (Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) không tham gia góp vốn, góp cổ phần chi phối vào các công ty, doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề chính của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>Không có</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung định nghĩa Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo điểm o khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch;</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng một (01) công ty đại chúng.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty</p>
Không có	<p>Điều 29. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>a. Số lượng thành viên:</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty có 05 thành viên.</p> <p>b. Nhiệm kỳ:</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Khoản 2, khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản 1, khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty</p>
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	Điều 30. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 	<p>Bổ sung chi tiết quy định Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020, khoản 6 Điều 17, khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của Công ty</p>
<p>Không có</p>	<p>b. Cách thức giới thiệu thêm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Ứng viên do Hội</p>	<p>Bổ sung chi tiết quy định Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT	Điều 31. Cách thức bầu thành viên HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật số thứ tự, bổ sung nội dung về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:	1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:	Cập nhật số thứ tự
a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều này;	a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 28 Quy chế này;	Cập nhật dẫn chiếu
Không có	2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này	Bổ sung theo quy định khoản 3 Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020
Không có	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định. b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo quy định điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 140, Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020, điểm c khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</p> <p>c. Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất</p>	
Không có	<p>4. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày</p>	Bổ sung theo quy định Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.	<p>Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty đăng ký giao dịch kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo</p>	Bổ sung quy định về Công bố thông tin về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Điển giải/Ghi chú
	quy định tại Điều lệ Công ty.	
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	Điều 34. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Không có	<p>Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung quy định về Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp, hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
CHƯƠNG IV: <u>HỌP HĐQT</u>	CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa đổi tên chương
Không có	<p>Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng cuộc họp tối thiểu</p> <p>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.</p> <p>2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>- Ban kiểm soát;</p>	<p>Bổ sung quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định khoản 2, 3, 4, 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2, khoản 4 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>- Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Đề nghị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại điểm a khoản này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	
Điều 19. Thông báo họp HĐQT	Điều 37. Thông báo họp HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Không có	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Bổ sung theo quy định Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và điểm d khoản 11 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	Điều 38. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Không có	Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Bổ sung theo quy định Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
Điều 21. Cách thức biểu quyết	Điều 39. Cách thức biểu quyết	Cập nhật số thứ tự
Không có	1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	Bổ sung theo quy định khoản 9 Điều 157 Luật

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 2 Điều này;</p> <p>c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>d. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>2. Thành viên hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	<p>doanh nghiệp 2020, khoản 12 Điều 36 Điều lệ Công ty</p>
<p>1. Trừ quy định tại <u>Điểm 2 Khoản này</u>, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>3. Trừ quy định tại <u>Khoản 4 Điều này</u>, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>3. Theo quy định tại <u>Điểm 4 Khoản này</u>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng</p>	<p>5. Theo quy định tại <u>Khoản 6 Điều này</u>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, cập nhật dẫn chiếu</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;	quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;	
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, Điều 50 của Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	6. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, Điều 48 của Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Cập nhật số thứ tự, cập nhật dẫn chiếu Điều lệ
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	Điều 40. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Không có	1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	Bổ sung theo quy định Khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.	2. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.	Cập nhật số thứ tự
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	Cập nhật số thứ tự
Không có	4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản	Bổ sung theo quy định Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	đổi thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT	Điều 41. Ghi biên bản họp HĐQT	Cập nhật số thứ tự
<p><u>Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.</u></p>	<p>1. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian, địa điểm họp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. <p>b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong</p>	<p>Bổ sung theo quy định khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	
Không có	<p>2. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký, đồng ý thông qua biên bản họp và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	Bổ sung theo quy định khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
Không có	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lưu giữ tại trụ sở Công ty.</p>	Bổ sung theo quy định khoản 19 Điều 36 Điều lệ Công ty
Điều 24. Thông báo Nghị quyết HĐQT	Điều 42. Thông báo Nghị quyết HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Bổ sung nội dung căn cứ quy định CBTT

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
CHƯƠNG V: <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>	CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT	Sửa đổi tên chương cho phù hợp
Không có	<p>Điều 43: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên</p> <p>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực</p>	Bổ sung nội dung vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định Điều 170 Luật doanh nghiệp, khoản 1 Điều 40 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>l. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>n. Quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình</p>	

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p> <p>o. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>p. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 3 Điều 39 Điều lệ Công ty.</p>	
Không có	<p>Điều 44. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên</p> <p>1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên;</p> <p>a. Số lượng:</p> <p>Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Toàn bộ Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam.</p> <p>b. Nhiệm kỳ:</p> <p>Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>Bổ sung theo quy định khoản 1, khoản 3 Điều 168 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 22 ND số 155/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 37 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản 1, 6 Điều 39 Điều lệ Công ty</p>
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	Điều 45. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	
2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây	2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây	Cập nhật số thứ tự
a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của <u>Pháp luật</u> ;	a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp ;	Bổ sung theo Điểm a khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, điểm a khoản 7 Điều 39 Điều lệ

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
b. Không phải là <u>vợ hoặc chồng</u> , <u>cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp</u> ;	b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;	Công ty Bổ sung theo Điểm c khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, điểm b khoản 7 Điều 39 Điều lệ Công ty
Không có	d. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Bổ sung theo Điểm b khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, điểm d khoản 7 Điều 39 Điều lệ Công ty
Không có	e. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 37 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, điểm b khoản 7 Điều 39 Điều lệ Công ty
Không có	3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Bổ sung quy định theo khoản 3 Điều 39 Điều lệ Công ty
Không có	Điều 46. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	Bổ sung theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp và

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;</p> <p>c. Thù lao, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.</p>	<p>khoản 2,3 Điều 41 Điều lệ Công ty</p>
<p>Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 47. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Điều lệ.</p>	<p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ Công ty</p>
<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHDCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHDCĐ thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung dẫn chiếu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, sửa đổi theo quy định khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>Không có</p>	<p>Điều 48. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p> <p>Bổ sung theo quy định khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3 Điều 39 Điều lệ Công ty</p>
<p>Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; 2. Người đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên; 3. Người đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; 4. Người đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; 5. Người đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; 6. Người đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của ĐHĐCĐ. 	<p>Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; b. Người đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên; c. Người đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; d. Người đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; e. Người đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; f. Người đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của ĐHĐCĐ. 	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>Không có</p>	<p>g. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>h. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p>	<p>Bổ sung theo quy định điểm a, c, d khoản 1 Điều 174 Luật doanh nghiệp 2020, điểm f, g, h khoản</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	i. Người đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	8 Điều 39 Điều lệ Công ty
	2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Kiểm soát viên trong trường hợp số lượng Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số Kiểm soát viên không đảm bảo theo quy định.	Bổ sung theo quy định khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 50. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT	CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT	
Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT	Điều 51. Các tiểu ban thuộc HĐQT	Cập nhật số thứ tự
Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	Điều 52. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	Cập nhật số thứ tự
Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT <u>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.</u>	Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Sửa đổi theo Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, khoản 21 Điều 36 Điều lệ Công ty
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	
Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 53. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Cập nhật số thứ tự
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	Bổ sung theo quy định khoản 1 Điều 44 Điều lệ Công ty

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Điều 33. Tổng giám đốc	Điều 54. Tổng giám đốc	Cập nhật số thứ tự
3. Tổng giám đốc phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	3. Tổng giám đốc phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	
Không có	c. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp	
	d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Bổ sung theo quy định điểm b khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp, khoản 83 Điều 1 nghị định 245/2025/NĐ-CP
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	
Không có	m. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	
	n. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm o khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty. o. Chấp thuận hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm o khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty. p. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và	Bổ sung thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc, đảm bảo thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT và theo quy định khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.	
m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.	q. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.	Cập nhật số thứ tự
Không có	7. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một (01) người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.	Bổ sung theo quy định khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 35 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, khoản 1 Điều 45 Điều lệ Công ty
Không có	8. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.	Bổ sung theo quy định điểm i khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 35 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và khoản 7 Điều 45 Điều lệ Công ty
Không có	9. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Tổng Giám đốc phải được thực hiện tương tự quy định tại Điều 33 Quy chế này.	Bổ sung dẫn chiếu về quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
Không có	10. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	Bổ sung theo quy định

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 45 Điều lệ Công ty</p>
<p>Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác</p>	<p>Điều 55. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 56. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 58. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p><u>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</u></p>	<p>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</p>	<p>Sửa đổi tên chương cho phù hợp</p>
<p>Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</p>	<p>Điều 59. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS</p>	<p>1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS</p>	
<p>a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cũng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;</p>	<p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cũng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT</p>	<p>Bổ sung nội dung cho phù hợp</p>
<p>Không có</p>	<p>e. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết về trách nhiệm HĐQT</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.	trong mối quan hệ phối hợp với BKS theo quy định khoản 1 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Không có	f. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.	Bổ sung quy định chi tiết về trách nhiệm HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS theo quy định khoản 1 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Không có	g. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung quy định chi tiết về trách nhiệm HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS theo quy định khoản 1, khoản 5 Điều 170 Luật doanh nghiệp
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT	2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT	
Không có	g. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT theo quy định dđierm d khoản 1 Điều 140, khoản 7 Điều 170 Luật doanh nghiệp, điểm e khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty
Không có	h. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của	Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	Công ty.	theo quy định khoản 1, khoản 5 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	Điều 60. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	Cập nhật số thứ tự
Điều 40. Việc tiếp cận thông tin	Điều 61. Việc tiếp cận thông tin	Cập nhật số thứ tự
1. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	1. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	
Không có	e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Công ty khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo quy định khoản 3 Điều 171 Luật doanh nghiệp 2020, điểm e khoản 1 Điều 41 Điều lệ Công ty
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc	Điều 62. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc	Cập nhật số thứ tự
Không có	d. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Tổng giám đốc hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.	Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc theo quy định khoản 1 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Không có	e. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.	Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc theo quy định

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	f. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Tổng giám đốc cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.	khoản 1, khoản 5 Điều 170 Luật doanh nghiệp Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc theo quy định khoản 1 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Không có	g. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.	Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc theo quy định khoản 1 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Không có	h. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc theo quy định khoản 1 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS	Điều 63. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Điều 43. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty	Điều 64. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật số thứ tự
Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	
c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ	c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công	Sửa đổi dẫn chiếu

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
này và quyết định của HĐQT.	ty và quyết định của HĐQT.	
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty	Điều 65. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật số thứ tự
Không có	h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Bổ sung theo quy định điểm h khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điểm i khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty
h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;	i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;	Cập nhật số thứ tự
i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Cập nhật số thứ tự
Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	Điều 66. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật số thứ tự
HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.	HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.	Bổ sung theo quy định khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, khoản 7 điều 278, khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	Điều 67. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật số thứ tự
Không có	a. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây: - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64 Quy chế này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Bổ sung quy định chi tiết về việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty phù hợp với quy định Điều 281 Nghị định

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	- Không hoàn thành các công việc được giao; - Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.	155/2020/NĐ-CP
HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. <u>HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</u>	b. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.	Cập nhật số thứ tự, sửa đổi do nội dung đã quy định tại Điều 66 Quy chế này
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	Điều 68. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG X: NGĂN NGŨA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	CHƯƠNG X: NGĂN NGŨA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng	Điều 69. Trách nhiệm cẩn trọng	Cập nhật số thứ tự
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 70. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Cập nhật số thứ tự
Không có	4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Bổ sung theo quy định khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, khoản 4 Điều 48 Điều lệ Công ty
4. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:	5. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:	Cập nhật số thứ tự
a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ chấp thuận:	a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ chấp thuận:	
Không có	i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng	Bổ sung theo quy định

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;	điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điểm o khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty
Không có	ii. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế;	Bổ sung theo quy định điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điểm p khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty
Không có	iii. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Bổ sung theo quy định điểm c khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điểm u khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty
Công ty giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:	iv. Công ty giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:	Cập nhật số thứ tự, bổ sung theo quy định khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điểm t khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty
b. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch tại điểm a khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời	b. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch tại mục iv điểm a khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo	Cập nhật dẫn chiếu

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b, c Khoản 4 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b, c Khoản 4 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Cập nhật số thứ tự
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 71. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG XIII: HIỆU LỰC	CHƯƠNG XI: HIỆU LỰC	
Điều 51. Ngày hiệu lực	Điều 72. Ngày hiệu lực	Cập nhật số thứ tự
<p>1. Quy chế này gồm mười hai (12) chương, năm mươi hai (52) điều được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2018.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.</p>	<p>1. Quy chế này gồm mười một (11) chương, bảy mươi hai (72) điều được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.</p>	Cập nhật số Chương, Điều, thời gian Quy chế được thông qua và có hiệu lực
<p>Một số điều chỉnh chi tiết khác về thứ tự các Điều, Khoản; cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và dẫn chiếu trong Quy chế này để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Quy chế nhưng không làm thay đổi nội dung chính của các điều, khoản.</p>		

Số: 04 /NQ-ĐHĐCĐ



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026.

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 04/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2026 của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại VINEXAD ngày 25/3/2026 tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo: “Đánh giá hoạt động điều hành – quản lý của HĐQT Công ty năm 2025, định hướng phát triển kinh doanh giai đoạn 2026 – 2030.

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung tại báo cáo: “Đánh giá hoạt động điều hành – quản lý của HĐQT Công ty năm 2025, định hướng phát triển kinh doanh giai đoạn 2026 – 2030 ngày 23/2/2026 do ông Phạm Quỳnh Giang – Phó Chủ tịch HĐQT báo cáo tại Đại hội và được đính kèm Nghị quyết này.

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua báo cáo “Đánh giá hoạt động điều hành – quản lý của HĐQT công ty năm 2025 và định hướng hoạt động giai đoạn 2026 – 2030”.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025; Thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025; Thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được trình bày tại mục A, B, C Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 ngày 23/2/2026 đã được báo cáo tại Đại hội và đính kèm Nghị quyết này, bao gồm các nội dung chính như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025 (Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán).

Đơn vị tính: Triệu đồng

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

(Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán tải trên Website: www.vinexad.com.vn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ Tiêu	Kết quả thực hiện chỉ tiêu					
		Thực hiện số với KH ĐHĐCĐ			Thực hiện so với 2024		
		KH 2025 (ĐHĐCĐ thông qua)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ	Kết quả 2024	Thực hiện 2025	Tỷ lệ
1	Vốn Điều lệ	31,500	32,276				
2	Doanh thu	250,000	293,826	117%	266,567	293,826	110%
3	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	75,000	100,690	134%	79,555	100,690	127%
4	Lợi nhuận trước thuế	47,000	71,226	151%	52,587	71,226	135%
5	Thuế TNDN	9,400	14,419		10,725	14,419	
6	Lợi nhuận sau thuế	37,600	56,806	151%	41,861	56,806	136%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	16,127	24,366	Tăng 1,5 lần			

8	Trả cổ tức:	60%	130%				
9	Quỹ tiền lương		29,162				
10	Thu nhập bình quân		33.7				
11	Chi phí HĐQT (Ngoài thù lao)		44				

Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025

Các chỉ tiêu cơ bản đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2025

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế		71,226,622,434	
2	Thuế TNDN		14,419,624,898	
3	Lợi nhuận sau thuế để phân phối (4= 1-2)		56,806,997,536	
4	Thưởng Ban TGĐ điều hành: 2% Lợi nhuận sau thuế để phân phối (4 = 3*2%)		1,136,139,951	
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối các quỹ và chia cổ tức (5 = 3 - 4)		55,670,857,585	
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20% {a= (5 - c)*20%}		2,742,297,117	
b	Quỹ Đầu tư phát triển: 80% {b = (5 - c)*80%}		10,969,188,468	
c	Chia cổ tức: 130%		41,959,372,000	

Thù lao của HĐQT và BKS năm 2025

1. Thù lao Hội đồng Quản trị: 6% Tổng Lợi nhuận sau thuế

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Tổng thù lao 6%	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Khắc Luận	CT. HĐQT		

2	Ông Phạm Quỳnh Giang	PCT. HĐQT		
3	Ông Phạm Đăng Khánh	TV. HĐQT		
4	Ông Đinh Văn Khải	TV. HĐQT		
5	Bà Nguyễn Thu Hồng	TV. HĐQT		
Tổng cộng:			3,408	

2. Thù lao Ban kiểm soát: 1,8% Tổng Lợi nhuận sau thuế

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Tổng thù lao 1,8%	Ghi chú
1	Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban Kiểm soát		
2	Bà Mạc Thanh Tú	TV. BKS		
3	Ông Nguyễn Quốc Vinh	TV. BKS		
Tổng cộng:			1,022	

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; Phân phối lợi nhuận năm 2025; Mức chi trả cổ tức năm 2025; Thù lao HĐQT, BKS năm 2025.

Điều 3: Thông qua Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2026; Thù lao HĐQT, BKS năm 2026.

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2026; Thù lao HĐQT, BKS năm 2026 được trình bày tại mục E, F, G Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh

doanh năm 2026 ngày 23/2/2026 đã được báo cáo tại Đại hội và đính kèm Nghị quyết này, bao gồm các nội dung chính như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Dự kiến)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ Tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Doanh thu		
2	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	293,826	280,000
3	Lợi nhuận trước thuế	100,690	90,000
4	Lợi nhuận sau thuế	71,226	60,000
5	Cổ tức	56,806	48,000
6	Vốn Điều lệ	130%	80%
		32,276	32,276
7	Thưởng Ban TGD điều hành 2%/Tổng lợi nhuận sau thuế (Nếu vượt KH từ 10%), thưởng 1,5% nếu đạt KH.	1,136	720
8	Thù lao HĐQT: 6% Lợi nhuận sau thuế	3,408	2,880
9	Thù lao Ban kiểm soát: 1,8% Lợi nhuận sau thuế	1,022	864

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận theo kế hoạch	Triệu đồng	60,000
2	Thuế TNDN phải nộp nhà nước (20%)	Triệu đồng	12,000
3	Lợi nhuận sau thuế để phân phối	Triệu đồng	48,000
4	Thưởng Ban TGD điều hành (2%/Tổng Lợi nhuận sau thuế nếu vượt KH từ 10% , thưởng 1,5% nếu đạt KH)	Triệu đồng	720
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối các quỹ & chia cổ tức (5= 3-4)	Triệu đồng	47,280
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20% {6 =(5-8)*20%}	Triệu đồng	4,292
7	Quỹ đầu tư phát triển: 80% {7 =(5-8)*80%}	Triệu đồng	17,168
8	Chi cổ tức 2026: 80%	Triệu đồng	25,820

Dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS năm 2026

1. Thù lao HĐQT: (6% Lợi nhuận sau thuế)

2. Thù lao Ban kiểm soát: (1,8% Lợi nhuận sau thuế)

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026; Phân phối lợi nhuận 2026; Dự kiến mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2026.

Điều 4: Thông qua Báo cáo kết quả Giám sát của Ban kiểm soát năm 2025.

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung tại Báo cáo kết quả Giám sát của Ban kiểm soát năm 2025 do ông Vũ Đăng Khoa – Trưởng Ban kiểm soát báo cáo tại Đại hội và được đính kèm Nghị quyết này.

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025.

Điều 5: Thông qua “Tờ trình Sửa đổi, cập nhật Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad”.

ĐHĐCĐ thông qua Sửa đổi, cập nhật Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad theo nội dung

Tờ trình số 02/HĐQT-VNX ngày 23/02/2026 đã được trình bày trước Đại hội và đính kèm Nghị quyết này.

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua Tờ trình Sửa đổi, cập nhật Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad.

Điều 6: Thông qua “Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad”.

ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad theo nội dung Tờ trình số 03/HĐQT-VNX ngày 23/02/2026 đã được trình bày trước Đại hội và đính kèm Nghị quyết này.

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua “Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad”.

Điều 7: Thông qua “Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad”.

ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad theo nội dung Tờ trình số 01/BKS-VNX ngày 26/02/2026 đã được trình bày trước Đại hội và đính kèm Nghị quyết này.

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua “Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad”.

Điều 8: Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026.

ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026 theo nội dung tại Tờ trình số 03/BKS-VNX ngày 26/02/2026 đã được trình bày trước Đại hội và đính kèm Nghị quyết này. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định về việc lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Danh sách các đơn vị kiểm toán bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

- Phiếu biểu quyết tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không tán thành: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Căn cứ kết quả biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua/không thông qua lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026.

Điều 9: Điều khoản chung

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2026.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông, phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các cơ quan liên quan
- Các thành viên HĐQT, BKS
- Lưu HS HĐQT

**TM/ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Khắc Luận